

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Tuy Phước)

ĐVT: trđ

S TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 tính giao		Dự toán năm 2025 HĐND xã giao	
		Phần thu NSNN	Phần NS xã hưởng	Phần thu NSNN	Phần NS xã hưởng
	TỔNG THU	320.453	262.898	330.753	273.198
A	Các khoản thu xã hưởng 100%	3.136	3.136	3.710	3.710
1	Phí, lệ phí	180	180	180	180
2	Thu từ quỹ đất công ích	2.346	2.346	2.914	2.914
	Thu đền bù quỹ đất công ích				
	Thu đầu giá quỹ đất công ích	2.346	2.346	2.914	2.914
3	Thu đóng góp tự nguyện			4	4
4	Thu kết dư ngân sách			2	2
5	Thu khác	610	610	610	610
B	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	67.759	10.204	67.759	10.204
1	Các khoản thu phân chia tối thiểu 100%	3.809	3.809	3.809	3.809
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	996	996	996	996
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	Phí môn bài	493	493	493	493
	Lệ phí trước bạ, nhà đất	2.320	2.320	2.320	2.320
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	63.950	6.395	63.950	6.395
	Thuế Giá trị gia tăng	53.079	5.308	53.079	5.308
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.871	1.087	10.871	1.087
	Thu tiền sử dụng đất				
	Thuế Thu nhập cá nhân				
	Thu khác về thuế				
	Thuế bảo vệ môi trường				
	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	Thuế tài nguyên				
C	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	249.558	249.558	249.558	249.558
1	Bổ sung cân đối	29.095	29.095	29.095	29.095
2	Bổ sung có mục tiêu	16.819	16.819	16.819	16.819
3	Bổ sung để chi đầu tư	109.196	109.196	109.196	109.196
4	Bổ sung để chi thường xuyên	94.448	94.448	94.448	94.448
D	Thu từ nguồn cải cách tiền lương				
E	Thu 10% tiết kiệm chi				
F	Thu chuyển nguồn từ năm trước			9.726	9.726